|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **TỔNG CỤC THỐNG KÊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA**

NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY HẰNG NĂM

*(Ban hành theo Quyết định số 570/QĐ-TCTK ngày 25 tháng 7 năm 2018*

*của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

**1. Mục đích, yêu cầu điều tra**

**1.1. Mục đích điều tra**

Cuộc điều tra thu thập thông tin về năng suất, sản lượng và doanh thu từng loại cây hằng năm trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành trồng trọt; đáp ứng yêu cầu quản lý, đánh giá kết quả sản xuất, cân đối tiêu dùng; lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất cây hằng năm của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

**1.2. Yêu cầu điều tra**

Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý thông tin, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của phương án.

Kết quả điều tra phải phản ánh đầy đủ, khách quan, kịp thời, chính xác tình hình, kết quả sản xuất cây hằng năm trên phạm vi cả nước.

**2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra**

**2.1. Phạm vi điều tra**

Cuộc điều tra được thực hiện ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) thuộc các loại hình kinh tế.

**2.2. Đối tượng điều tra**

Là các loại cây hằng năm.

**2.3. Đơn vị điều tra**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác (sau đây viết tắt là DN/HTX/TCK) sản xuất cây hằng năm;

- Hộ sản xuất cây hằng năm khác (bao gồm hộ sản xuất cây hằng năm quy mô nhỏ và quy mô trang trại).

**3. Loại điều tra**

**3.1. Điều tra toàn bộ**

Điều tra toàn bộ áp dụng đối với DN/HTX/TCK sản xuất cây hằng năm.

**3.2. Điều tra chọn mẫu**

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các hộ sản xuất cây hằng năm khác.

*(Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu trình bày chi tiết trong Phụ lục I)*

**4. Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra**

**4.1. Thời điểm điều tra**

Cuộc điều tra được tiến hành theo từng vụ sản xuất.

+ Vụ đông: các tỉnh miền Bắc

+ Vụ xuân: các tỉnh miền Bắc

+ Vụ đông xuân: các tỉnh miền Nam

+ Vụ hè thu: các tỉnh từ Nghệ An trở vào phía Nam

+ Vụ mùa: các tỉnh có gieo trồng vụ mùa

Do mỗi địa phương có thể trồng nhiều loại cây và thời điểm kết thúc thu hoạch của mỗi loại cây cũng khác nhau, vì vậy Tổng cục quy định thời điểm tiến hành điều tra được thực hiện sau khi hầu hết các loại cây hằng năm trong vụ được thu hoạch xong.

**4.2. Thời gian điều tra**

Thời gian tiến hành điều tra: 10 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

**4.3. Phương pháp điều tra**

Áp dụng hai phương pháp dưới đây để thu thập thông tin:

1. Thu thập số liệu trực tiếp

Thực hiện thu thập số liệu trực tiếp đối với hộ: Điều tra viên đến từng hộ được chọn, thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về sản xuất cây hằng nămcủa hộ để ghi vào phiếu điều tra.

1. Thu thập số liệu gián tiếp

Thực hiện thu thập số liệu gián tiếp đối với các DN/HTX/TCK. Cơ quan Thống kê hướng dẫn phương pháp ghi và hoàn thiện phiếu điều tra cho đơn vị; lãnh đạo đơn vị duyệt, ký, đóng dấu và gửi phiếu điều tra về cơ quan Thống kê.

Lưu ý:

- Trong quá trình khai thác số liệu có thể sử dụng nhiều hình thức khác nhau như: trực tiếp cân đong hoặc phỏng vấn hộ, cán bộ phụ trách sản xuất của doanh nghiệp, kết hợp quan sát sản lượng thực thu của hộ, doanh nghiệp đồng thời tham khảo thêm ý kiến của các thành viên khác của hộ và các hộ lân cận.

- Đối với các hộ mẫu được chọn để điều tra cây hằng năm trọng điểm: điều tra viên chỉ thu thập thông tin về loại cây trọng điểm được chọn để điều tra. Đối với các hộ mẫu được chọn để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại, điều tra viên thu thập thông tin của tất cả các loại cây hằng năm khác mà hộ thực tế có gieo trồng, thu hoạch. Đối với doanh nghiệp: thu thập thông tin về các loại cây hằng năm (bao gồm cả cây lúa) mà doanh nghiệp thực tế có gieo trồng, thu hoạch. Tuỳ theo tập quán từng địa phương, diện tích và sản lượng có thể được tính theo đơn vị riêng, điều tra viên cần quy đổi ra đơn vị quy định chung là kg/tấn đối với sản lượng, m2/ha đối với diện tích để ghi vào phiếu điều tra.

- Sản lượng thực thu của doanh nghiệp, hộ được tính trên toàn bộ diện tích mà doanh nghiệp, hộ trực tiếp quản lý, sản xuất trong phạm vi địa lý của huyện/tỉnh. Bao gồm cả diện tích khai hoang, nhận khoán, đấu thầu, đi thuê, xâm lấn… Để thu thập thông tin về sản lượng tại các hộ mẫu, điều tra viên thu thập số liệu sản lượng thu hoạch, không thu thập số liệu về năng suất và tuyệt đối không dùng năng suất ước tính để nhân với diện tích thay cho điều tra sản lượng thực thu.

Trong quá trình thu thập số liệu, điều tra viên cần làm tốt công tác tư tưởng cho người cung cấp thông tin để bảo đảm số liệu thu được có độ tin cậy cao, phản ánh đúng thực tế kết quả sản xuất của hộ và doanh nghiệp. Nếu có sự chênh lệch lớn với các hộ mẫu khác, doanh nghiệp khác thì điều tra viên cần tìm hiểu nguyên nhân và xác minh lại thông tin, đảm bảo nguyên tắc phản ánh đúng kết quả sản xuất thực tế.

**5. Nội dung, phiếu điều tra**

**5.1. Nội dung điều tra**

Cuộc điều tra thu thập các thông tin:

- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch các loại cây hằng năm;

- Sản lượng sản phẩm thu hoạch, sản lượng sản phẩm bán ra của các loại cây hằng năm;

- Doanh thu từ sản lượng sản phẩm bán ra của các loại cây hằng năm;

**5.2. Phiếu điều tra**

Có 03 loại phiếu điều tra được sử dụng trong cuộc điều tra này, bao gồm:

- Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO: Phiếu thu thập thông tin về diện tích, sản lượng, doanh thu cây hằng năm trọng điểm của hộ;

- Phiếu số 2/NSSL-HNK-HO: Phiếu thu thập thông tin về diện tích, sản lượng, doanh thu cây hằng năm khác của hộ;

- Phiếu số 3/NSSL-HN-DN: Phiếu thu thập thông tin về diện tích, sản lượng, doanh thu cây hằng năm của Doanh nghiệp.

**6. Phân loại thống kê sử dụng trong điều tra**

Các bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;
2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;
3. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra.

**7. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra**

**7.1. Quy trình xử lý thông tin**

Sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, các loại phiếu điều tra được gửi về cơ quan Thống kê để kiểm tra, làm sạch, đánh mã. Cục Thống kê trực tiếp nghiệm thu số lượng, chất lượng theo từng loại phiếu điều tra.

Phiếu điều tra được nhập tin tại cơ quan Thống kê địa phương theo chương trình phần mềm thống nhất do Tổng cục Thống kê xây dựng.

Cục Thống kê gửi toàn bộ cơ sở dữ liệu điều tra, báo cáo phân tích, biểu tổng hợp về Tổng cục Thống kê.

**7.2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra**

Kết quả điều tra về cây hằng năm được tổng hợp và suy rộng cho cấp tỉnh.

**7.2.1. Tổng hợp kết quả điều tra toàn bộ**

Tổng hợp kết quả điều tra phân theo từng loại cây từ phiếu số 3/NSSL-HN-DN theo các chỉ tiêu sau:

- Tổng hợp diện tích gieo trồng;

- Tổng hợp diện tích thu hoạch;

- Tổng hợp sản lượng thu hoạch;

- Tổng hợp sản lượng bán ra;

- Tổng hợp doanh thu bán ra.

*\* Tổng hợp diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch theo từng loại cây từ phiếu 3/NSSL-HN-DN của toàn tỉnh được tính theo công thức (1):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = |  | *(1)* |

Trong đó:

+DDNj: Tổng diện tích gieo trồng/thu hoạch cây j (j = của các doanh nghiệp toàn tỉnh, tính bằng ha;

+dji: Diện tích gieo trồng/thu hoạch cây j của doanh nghiệp thứi (i = )

trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

*\* Tổng hợp sản lượng thu hoạch, sản lượng bán ra theo từng loại cây từ phiếu 3/NSSL-HN-DN của toàn tỉnh được tính theo công thức (2):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = |  | *(2)* |

Trong đó:

+SDNj: Tổng sản lượng sản phẩm cây j (j = thu hoạch/bán ra của các

doanh nghiệp toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng sản phẩm cây j thu hoạch/bán ra của doanh nghiệp thứ i (i= trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

*\* Tổng hợp doanh thu bán ra theo từng loại cây từ phiếu3/NSSL-HN-DN của toàn tỉnh được tính theo công thức (3):*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| = |  |  | *(3)* |

Trong đó:

+TDNj: Tổng doanh thu bán ra cây j (j = của các doanh nghiệp toàn tỉnh,tính bằng triệu đồng;

+ : Doanh thu bán ra cây j (j = của doanh nghiệp thứ i (i = ) trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng.

**7.2.2. Tổng hợp kết quả điều tra sản lượng bán ra, doanh thu bán ra của các hộ mẫu theo từng loại cây**

Tổng hợp kết quả điều tra phân theo từng loại cây từ phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO theo các chỉ tiêu sau:

- Tổng hợp sản lượng bán ra;

- Tổng hợp doanh thu bán ra.

*\* Tổng hợp sản lượng bán ra theo từng loại câytừ phiếu1/NSSL-HNTĐ-HO cho toàn tỉnh được tính theo công thức (4):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = |  | *(4)* |

Trong đó:

+: Tổng sản lượng bán ra cây j (j = của các hộ mẫu toàn tỉnh,

tính bằng tấn;

+sji: Sản lượng bán ra cây j của hộ mẫu thứ i (i = ) trong kỳ điều tra,

tính bằng kg.

*\* Tổng hợp doanh thu bán ra theo từng loại cây từ phiếu 1/NSSL-HNTĐ-HO của toàn tỉnh được tính theo công thức (5):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = |  | *(5)* |

Trong đó:

+THOj: Tổng doanh thu bán ra cây j (j = của các hộ mẫu toàn tỉnh,

tính bằng triệu đồng;

+tji: Doanh thu bán ra cây j của hộ mẫu thứ i (i = ) trong kỳ điều tra,

tính bằng nghìn đồng.

**7.2.3. Suy rộng kết quả điều tra mẫu**

a) Đối với những loại cây trồng có thông tin điều tra xuất hiện ở 30 hộ mẫu trở lên:

*\* Sản lượng:* Sản lượng cây hằng năm được suy rộng theo từng loại cây.

- Tính năng suất thu hoạch bình quân một ha của mẫu điều tra của từng loại cây theo công thức (6):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| XMAUj | = | SMAUj | x 10 | (6) |
| DMAUj |

Trong đó:

+ XMAUj: Năng suất thu hoạch bình quân cây j của hộ mẫu, tính bằng tạ/ha;

+ SMAUj: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của các hộ mẫu, tính bằng tấn;

+ DMAUj: Tổng diện tích thu hoạch cây j của các hộ mẫu, tính bằng ha.

- Tính tổng sản lượng thu hoạch của từng loại cây của các hộ toàn tỉnh cây theo công thức (7):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SHOj | = | XMAUj x DHOj | (7) |
| 10 |

Trong đó:

+ SHOj: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của các hộ toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ XMAUj: Năng suất thu hoạch bình quân cây j của các hộ mẫu, tính bằng tạ/ha;

+ DHOj: Tổng diện tíchthu hoạch cây j của toàn tỉnh, tính bằng ha.

b) Đối với những loại cây trồng có thông tin điều tra xuất hiện ở dưới 30 hộ mẫu hoặc không xuất hiện trong mẫu điều tra nhưng thực tế địa phương có sản xuất: Cục Thống kê tham khảo kết quả tổng hợp và tính toán mẫu đã điều tra (nếu có); kết hợp tham khảo ý kiến các chuyên gia nông nghiệp và căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế của để tính toán diện tích, năng suất, sản lượng cho phù hợp.

**7.2.4. Tính toán diện tích – năng suất – sản lượng – đơn giá bình quân theo từng loại cây của tỉnh**

*\*Tổng diện tích thu hoạch toàn tỉnh theo từng loại cây của từng vụ sản xuất*

Cục Thống kê căn cứ vào báo cáo hành chính và các nguồn số liệu khác tại địa phương để thu thập số liệu về diện tích mất trắng trong từng vụ của từng loại cây trong toàn tỉnh, và nếu có đủ nguồn thông tin thì tổng hợp số liệu theo từng huyện. Sau đó tính toán diện tích thu hoạch của từng cây theo công thức (8):

DTHj = DGTj - DMTj (8)

Trong đó:

+ DTHj: Tổng diện tích thu hoạch cây j của toàn tỉnh, tính bằng ha;

+ DGTj: Tổng diện tích gieo trồng cây j của toàn tỉnh, tính bằng ha;

+ DMTj: Tổng diện tích mất trắng cây j của toàn tỉnh, tính bằng ha.

Lưu ý: Diện tích cả năm bằng tổng diện tích các vụ trong năm nông vụ.

*\* Tính tổng sản lượng thu hoạch toàn tỉnh theo từng loại cây của từng vụ:*

Sj = SHj  + SDNj + S’

Trong đó:

+ Sj: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của toàn tỉnh,tính bằng tấn;

+ SHj: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của các hộ toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ SDNj: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của các doanh nghiệp toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ S’: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra toàn tỉnh, tính bằng tấn.

Lưu ý:

+ Đối với các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra (đơn vị an ninh, quốc phòng,…), Cục Thống kê khai thác các nguồn thông tin khác tại địa phương để tính sản lượng theo từng loại cây.

+ Sản lượng thu hoạch cả năm bằng tổng sản lượng thu hoạch các mùa vụ. Riêng đối với cây lúa, tổng sản lượng thu hoạch cả năm còn bao gồm cả sản lượng lúa tái sinh.

*\* Năng suất:*

- Tính năng suất gieo trồng/thu hoạch bình quân một ha của toàn tỉnh của từng loại cây theo công thức (9):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xj | = | Sj | x 10 | (9) |
| Dj |

Trong đó:

+ Xj: Năng suất gieo trồng/thu hoạch bình quân cây j tỉnh, tính bằng tạ/ha;

+ Sj: Tổng sản lượng thu hoạch cây j của các toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ Dj: Tổng diện tích gieo trồng/thu hoạch cây jcủa toàn tỉnh,tính bằng ha.

*\* Đơn giá bình quân theo từng loại cây:*

- Tổng sản lượng bán ra cây j (j = toàn tỉnh theo công thức (10):

SBRj = SDNBRj + SHOBRj  (10)

Trong đó:

+ SBRj: Tổng sản lượng bán ra cây j toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ SDNBRj: Tổng sản lượng bán ra cây j của các doanh nghiệp toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ SHOBRj: Tổng sản lượng bán ra cây j của các hộ mẫu toàn tỉnh, tính bằng tấn.

- Tổng doanh thu bán ra cây j toàn tỉnh theo công thức theo công thức (11):

Tj = TDNj + THOj (11)

Trong đó:

+ Tj: Tổng doanh thu bán ra cây j toàn tỉnh, tính bằng triệu đồng;

+ TDNj: Tổng doanh thu bán cây j của các doanh nghiệp toàn tỉnh, tính

bằng triệu đồng;

+ THOj: Tổng doanh thu bán cây j của các hộ mẫu toàn tỉnh, tính bằng triệu đồng.

- Đơn giá bình quân cây j toàn tỉnh theo công thức (12):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Pj | = | Tj | (12) |
| SBRj |

Trong đó:

+ Pj: Đơn giá bình quân của cây j của tỉnh, tính bằng triệu đồng/tấn;

+ Tj: Tổng doanh thu bán ra của cây j toàn tỉnh,tính bằng triệu đồng;

+ SBRj: Tổng sản lượng bán ra của cây j toàn tỉnh, tính bằng tấn.

**7.3. Biểu đầu ra kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc của từng kỳ điều tra theo hệ thống biểu đầu ra tại Phụ lục 02.

**8. Kế hoạch tiến hành điều tra**

**Bước 1. Chuẩn bị điều tra**

Thời gian thực hiện 30 ngày trước thời điểm điều tra; bao gồm các công việc:

* Bổ sung, sửa đổi phương án điều tra (nếu có);
* Hội nghị triển khai ở cấp tỉnh/huyện;
* Rà soát các đơn vị điều tra;
* In phiếu điều tra;
* Cập nhật hệ thống biểu đầu ra, chương trình phần mềm nhập tin, tổng hợp (nếu có).

**Bước 2. Triển khai điều tra**

Thời gian 20 ngày trước và sau thời điểm điều tra; bao gồm các công việc

- Lựa chọn điều tra viên, giám sát viên các cấp;

- Tập huấn điều tra viên, giám sát viên các cấp (nếu có);

- Thu thập thông tin tại địa bàn.

**Bước 3. Nhập tin, xử lý tổng hợp số liệu**

- Thời gian thực hiện: 20 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu;

- Nội dung thực hiện: Kiểm tra, làm sạch, đánh mã các phiếu điều tra; nghiệm thu số lượng và chất lượng phiếu điều tra; nhập tin số liệu điều tra; xử lý, kiểm tra số liệu nhập tin, tổng hợp số liệu, báo cáo giải trình và truyền kết quả nhập tin về Tổng cục Thống kê.

**Bước 4. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra**

Tổng cục Thống kê tổng hợp, phân tích và công bố kết quả của cuộc điều tra sau 15 ngày kể từ ngày nhận số liệu nhập tin từ các Cục Thống kê.

# **9. Tổ chức điều tra**

**9.1. Cấp Trung ương**

a) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu khối lượng, chất lượng phiếu điều tra, biểu tổng hợp của các địa phương thực hiện cuộc điều tra theo quy định của Phương án này.

b) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bảo đảm kinh phí điều tra; cấp phát, hướng dẫn định mức chi tiêu, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp.

c) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê hướng dẫn các Cục Thống kê và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra cuộc điều tra này.

d) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn đơn vị xây dựng phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra.

**9.2. Cấp địa phương**

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

Các đơn vị đại diện được chọn cho từng vụ riêng biệt. Tuy nhiên, nếu tình hình sản xuất các loại cây trồng trọng điểm không thay đổi nhiều qua các mùa vụ, các năm thì có thể ổn định các đơn vị đại diện để tiến hành điều tra cho vụ, năm tiếp theo. Trong trường hợp hộ mẫu không thể thu thập thông tin vì các lý do khác nhau thì cần thay đổi hộ đó theo nguyên tắc lấy hộ liền kề phía trên hoặc dưới cụm hộ đã được chọn.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng thông tin; tiến hành phúc tra đối với những địa bàn và đơn vị có tăng, giảm đột biến về kết quả cây trồng hoặc có biểu hiện vi phạm phương pháp điều tra.

# **10. Kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra**

Kinh phí điều tra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Tổng cục Thống kê phân bổ trong kinh phí điều tra thường xuyên để thực hiện những nội dung theo phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Bích Lâm**